

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG TRUNG QUỐC

## 1. Mục tiêu giáo dục

### 1.1. Mục tiêu chung

Năm 1985, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra quyết định cải cách thể chế giáo dục, trong đó chỉ rõ: "Giáo dục phải đào tạo nên một thế hệ con người mới có lí tưởng, có đạo đức, có văn hoá, có kỉ luật, yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, có tinh thần xả thân phấn đấu gian khổ vì sự giàu mạnh của đất nước và sự giàu có của nhân dân, không ngừng tìm tòi tri thức mới, có tinh thần khoa học thực sự cầu thị, độc lập suy nghĩ và dũng cảm sáng tạo". Năm 1993, "Chương trình cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc" chỉ ra rằng: "Ai nắm được giáo dục hướng tới thế kỉ XXI, người đó sẽ chiếm được vị trí chiến lược trong cuộc cạnh tranh quốc tế ở thế kỉ XXI", "Giáo dục Tiểu học, trung học phải chuyển từ "giáo dục ứng thí" sang quỹ đạo nâng cao tố chất quốc dân, hướng tới toàn thể học sinh, nâng cao toàn diện tư tưởng đạo đức, văn hoá khoa học, kĩ năng lao động, tố chất sức khoẻ và tâm lí của học sinh". Năm 1999, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ Viện ra quyết định đi sâu cải cách giáo dục, thúc đẩy toàn diện giáo dục tố chất, trong đó nhấn mạnh: "Thực hiện giáo dục tố chất chính là quán triệt toàn diện phương châm giáo dục của Đảng, coi việc nâng cao tố chất quốc dân là tôn chỉ căn bản, coi bồi dưỡng tinh thần sáng tạo và năng lực thực tiễn của HS là trọng điểm, đào tạo lớp người kế thừa và xây dựng sự nghiệp xã hội chủ nghĩa có lí tưởng, có đạo đức, có văn hoá, có kỉ luật, phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ".

Những mục tiêu nêu trên cho thấy nhận thức của các nhà hoạch định chính sách quốc gia đã ngày càng sâu sắc, sự phát triển con người đã ngày càng trở thành hạt nhân của việc xác định mục tiêu. Mục tiêu giáo dục và mục tiêu chương trình có quan hệ phụ thuộc, có nghĩa là mục tiêu giáo dục chế ước việc xác định mục tiêu chương trình, từ quá trình phát triển của mục tiêu giáo dục có thể thấy được quỹ đạo diễn biến của mục tiêu chương trình.

### 1.2. Mục tiêu giáo dục của từng cấp học phổ thông

#### a) Giáo dục Tiểu học

- Về đức dục: Giáo dục tư tưởng tình cảm yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu chủ nghĩa xã hội (5 yêu) và yêu Đảng Cộng sản Trung Quốc; bước đầu hình thành phẩm chất đạo đức và phẩm chất cá tính tốt đẹp: quan tâm người khác, quan tâm tập thể, thành thực, cần kiệm, không sợ khó khăn và bước

đều biết phân biệt đúng sai; hình thành thói quen hành vi văn minh, lễ phép, tuân thủ kỉ luật.

- Về trí dục: Trang bị tri thức và kĩ năng cơ bản về đọc, viết, biểu đạt và tính toán, nắm được tri thức thông thường về cuộc sống, về tự nhiên và xã hội; bồi dưỡng năng lực quan sát, tư duy, thao tác hành động và năng lực tự học.

- Về thể chất: Bồi dưỡng thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, có sức khoẻ và tâm hồn lành mạnh.

- Về mỹ dục: Bồi dưỡng có hứng thú và tình yêu cái đẹp, bước đầu có năng lực thẩm mĩ.

- Về giáo dục kĩ năng lao động: Bồi dưỡng thói quen lao động, biết sử dụng một số công cụ lao động giản đơn, bước đầu có năng lực tự phục vụ trong sinh hoạt.

### **b) Giáo dục Trung học sơ cấp (sơ trung)**

- Về đức dục: Giáo dục tư tưởng, tình cảm yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu Đảng Cộng sản Trung Quốc bước đầu hình thành quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bước đầu có tư tưởng phục vụ nhân dân và quan điểm tập thể, có phẩm chất đạo đức tốt đẹp và năng lực phân biệt đúng sai, chống lại những ảnh hưởng không tốt, hình thành thói quen hành vi văn minh, lịch sự, tuân thủ kỉ cương, pháp luật.

- Về trí dục: Làm cho học sinh nắm được tri thức cần thiết và kĩ năng cơ bản về văn hoá, khoa học kĩ thuật, có năng lực tự học, năng lực phân tích, giải quyết vấn đề bằng tri thức đã học và năng lực thao tác hành động, hình thành thái độ khoa học thực sự cầu thị và tinh thần không ngừng theo đuổi tri thức mới.

- Về thể chất: Làm cho học sinh bước đầu nắm được tri thức cơ sở và phương pháp đúng đắn trong việc rèn luyện sức khoẻ, hình thành thói quen giữ vệ sinh, có thể chất và tâm hồn lành mạnh.

- Về mỹ dục: Hình thành năng lực thẩm mĩ nhất định, bồi dưỡng hứng thú và thi hiếu lành mạnh.

- Về giáo dục kĩ năng lao động: làm cho học sinh nắm được tri thức cơ bản và kĩ năng cơ bản về lao động sản xuất, hiểu được một số thường thức về lựa chọn nghề nghiệp, có quan điểm, thái độ lao động đúng đắn và thói quen lao động tốt đẹp.

### **c) Giáo dục Trung học cao cấp**

- Về đức dục: Giáo dục lí tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, tình yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, tinh thần cống hiến, gian khổ phấn đấu vì sự giàu mạnh của đất nước và sung túc của nhân dân, xây dựng

quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, hình thành năng lực tư duy đạo đức và đánh giá đạo đức, năng lực và thói quen tự giáo dục; bồi dưỡng thói quen hành vi tuân thủ kỉ cương, pháp luật, văn minh, lịch sự.

- Về trí dục: Giáo dục học sinh nắm vững tri thức cơ bản và kĩ năng cơ bản, cần thiết về văn hoá, khoa học, đặt nền tảng tốt về Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ; phát triển hứng thú, sở trường của học sinh, bồi dưỡng nhiệt tình không ngừng theo đuổi tri thức mới và năng lực tự học, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề có tinh thần khoa học thực sự cầu thị, độc lập suy nghĩ, dũng cảm sáng tạo.

- Về thể chất: làm cho học sinh nắm được tri thức và kĩ năng, kĩ xảo cơ bản về rèn luyện sức khoẻ, có phương pháp rèn luyện sức khoẻ khoa học, từng bước hình thành thói quen tự giác rèn luyện thân thể, làm cho học sinh phát triển toàn diện tố chất sức khoẻ, có thể chất và tâm hồn lành mạnh và năng lực hoạt động thân thể đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, bồi dưỡng thói quen vệ sinh tốt đẹp.

- Về mỹ dục: Bồi dưỡng quan điểm thẩm mỹ đúng đắn, hình thành năng lực cảm thụ cái đẹp, thưởng thức cái đẹp và sáng tạo cái đẹp.

- Về giáo dục kĩ năng lao động: Giáo dục quan điểm lao động, thói quen lao động và hứng thú học tập kĩ thuật sản xuất, làm cho học sinh nắm được một số tri thức cơ bản và kĩ năng cơ bản về kĩ thuật sản xuất hiện đại, biết sử dụng công cụ sản xuất thông thường, nắm được tri thức và kĩ năng bước đầu về tổ chức sản xuất, quản lí sản xuất.

## 2. Chuẩn chương trình

Chuẩn Chương trình quốc gia là căn cứ để biên soạn SGK, dạy học, đánh giá, ra đề thi và là cơ sở để Nhà nước quản lí và đánh giá chương trình. Chuẩn chương trình thể hiện yêu cầu cơ bản của Nhà nước về tri thức và kĩ năng, quá trình và phương pháp, tình cảm, thái độ và quan điểm giá trị đối với học sinh ở các giai đoạn khác nhau, quy định tính chất, mục tiêu, khung nội dung của các chương trình môn học và đề xuất các kiến nghị về dạy học và đánh giá. Cụ thể là:

- Quá trình xây dựng Chuẩn Chương trình quốc gia phải căn cứ vào đặc điểm của các chương trình môn học, kết hợp với nội dung cụ thể, tăng cường tính đối tượng, tính hiệu quả, tính chủ động của công tác giáo dục đạo đức để tiến hành giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội cho học sinh, tăng cường giáo dục truyền thống tốt đẹp, truyền thống cách mạng của dân tộc Trung Hoa và giáo dục quốc phòng; tăng cường giáo dục tư tưởng, phẩm chất và đạo đức, hướng dẫn học sinh xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và quan điểm giá trị đúng đắn; phải

đề cao tinh thần khoa học, thái độ khoa học và phương pháp khoa học, hướng dẫn học sinh sáng tạo và hoạt động thực tiễn.

- Chương trình giáo dục Mầm non phải dựa vào đặc điểm phát triển thể chất, tinh thần của trẻ thơ và quy luật giáo dục, kiên trì nguyên tắc kết hợp giữa chăm sóc và giáo dục, vui chơi là hoạt động cơ bản, phối hợp chặt chẽ gia đình và cộng đồng, bồi dưỡng thói quen hành vi tốt đẹp cho trẻ thơ, bảo vệ và phát triển tính tò mò, ham tìm hiểu của trẻ, thúc đẩy sự phát triển toàn diện và hài hoà về thể chất và tinh thần của trẻ thơ.

- Chương trình giáo dục bắt buộc 9 năm (Tiểu học và Sơ trung) phải thích ứng với yêu cầu giáo dục phổ cập và bắt buộc để đại đa số học sinh đều có thể đạt được sau khi đã cố gắng, đồng thời cũng thể hiện yêu cầu cơ bản của Nhà nước đối với tố chất của công dân, chú ý bồi dưỡng nguyện vọng và năng lực học tập suốt đời của học sinh.

- Chương trình Cao trung phải có tính tầng bậc và tính lựa chọn; việc xây dựng và bố trí chương trình tự chọn là để học sinh có nhiều cơ hội lựa chọn và phát triển hơn nữa, đặt nền tảng cho việc bồi dưỡng năng lực sinh tồn, năng lực thực tiễn và năng lực sáng tạo của học sinh.

### **3. Kế hoạch giáo dục**

#### **3.1. Các lĩnh vực môn học của từng cấp**

##### **a) Giai đoạn Tiểu học: Chủ yếu là chương trình tích hợp**

- Đối với những lớp đầu cấp (lớp 1 - 2): bố trí các môn: Phẩm chất đạo đức và Cuộc sống; Ngữ văn; Toán; Thể dục; Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật).

- Đối với các lớp giữa cấp và cuối cấp (lớp 3 - lớp 6): bố trí các môn: Phẩm chất đạo đức và Xã hội; Ngữ văn; Toán; Khoa học; Ngoại ngữ; Hoạt động thực tiễn tổng hợp; Thể dục; Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật).

##### **b) Giai đoạn Sơ trung (THCS)**

Kết hợp chương trình phân môn và chương trình tích hợp, bao gồm các môn: Tư tưởng - phẩm chất đạo đức; Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Nhật); Khoa học (hoặc Vật lí, Hoá học, Sinh học); Lịch sử và Xã hội (hoặc Lịch sử, Địa lí); Thể dục và sức khoẻ; Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động thực tiễn tổng hợp.

##### **c) Giai đoạn Cao trung (THPT)**

Chủ yếu là chương trình phân môn. Cùng các môn bắt buộc là các môn học tự chọn phong phú, đa dạng và các môn thuộc lĩnh vực kĩ thuật/công nghệ. Thực hiện quản lí theo chế độ học phần.

- Lĩnh vực học tập

Chương trình Cao trung bố trí 8 lĩnh vực học tập gồm: Ngôn ngữ và Văn học; Toán; Nhân văn và Xã hội; Khoa học; Kĩ thuật; Nghệ thuật; Thể dục và sức khoẻ; Hoạt động thực tiễn tổng hợp.

- Môn học

Mỗi lĩnh vực học tập nêu trên do một số môn học gắn nhau về giá trị chương trình tạo thành. Tám lĩnh vực học tập bao gồm 12 ~ 13 môn học là: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Tiếng Nga...), Tư tưởng chính trị, Lịch sử, Địa lí, Vật lí, Hoá học, Sinh vật, Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật), Thể dục và sức khoẻ, Kĩ thuật... Trong đó, Kĩ thuật và Nghệ thuật là môn học mới bố trí, Nghệ thuật và Âm nhạc, Mĩ thuật được bố trí ngang nhau để nhà trường lựa chọn. Khuyến khích các trường có điều kiện bố trí học hai hoặc nhiều ngoại ngữ.

- Môđun

Mỗi môn học do một số môđun tạo thành. Các môđun vừa độc lập với nhau lại vừa phản ánh mối liên hệ lôgic về nội dung môn học. Mỗi môđun đều có mục tiêu giáo dục rõ ràng và xoay quanh một nội dung nhất định, gắn kết kinh nghiệm của học sinh với nội dung tương quan, tạo thành đơn nguyên học tập tương đối hoàn chỉnh; mỗi module đều đề ra yêu cầu và kiến nghị đối với hoạt động dạy học của giáo viên và phương thức học tập của học sinh.

- Thuyết minh:

(1) Mỗi năm học có 52 tuần, trong đó thời gian dạy học là 40 tuần, hoạt động thực tiễn xã hội 1 tuần, các kì nghỉ (gồm: nghỉ hè, nghỉ đông, các ngày lễ, ngày mùa): 11 tuần.

(2) Mỗi học kì chia thành hai giai đoạn để bố trí chương trình, mỗi giai đoạn 10 tuần, trong đó: 9 tuần học trên lớp, 1 tuần ôn tập và thi. Mỗi môđun thường học 36 tiết, nói chung, bố trí 4 tiết/tuần, có thể hoàn thành trong một giai đoạn học tập.

(3) Học sinh học xong một môđun sẽ được kiểm tra và được công nhận hoàn thành 2 học phần (trong đó, Thể dục và sức khoẻ, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mĩ thuật, mỗi module, về nguyên tắc học 18 tiết, tương đương với 1 học phần). Học phần do nhà trường xác định. Trong 8 học phần bắt buộc của môn Kĩ thuật, Công nghệ thông tin và Kĩ thuật thông dụng mỗi môn học 4 học phần.

(4) Hoạt động học tập có tính nghiên cứu là chương trình bắt buộc đối với mỗi học sinh, cả năm học có 15 học phần. Việc bố trí hoạt động học tập có tính nghiên cứu nhằm mục đích hướng dẫn học sinh quan tâm đến các vấn đề xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật và đời sống, thông qua việc tự nghiên cứu và quá trình tự mình tham gia hoạt động thực tiễn, học sinh vận dụng tổng hợp tri thức đã học và kinh nghiệm để giải quyết vấn đề, học được cách học, bồi dưỡng tinh thần nhân văn và tổ chức khoa học của học sinh.

Ngoài ra, mỗi năm học, học sinh phải tham gia 1 tuần hoạt động thực tiễn xã hội và phải đạt được 2 học phần. Trong ba năm, học sinh phải tham gia phục vụ cộng đồng không dưới 10 ngày làm việc để đạt được 2 học phần.

(5) Yêu cầu học phần tốt nghiệp của học sinh: Mỗi năm học, học sinh phải đạt được số học phần nhất định trong mỗi lĩnh vực học tập, tổng cộng 3 năm học phải đạt 116 học phần bắt buộc (gồm cả 15 học phần hoạt động học tập có tính nghiên cứu, 2 học phần phục vụ cộng đồng và 6 học phần thực tiễn xã hội), đồng thời phải đạt được ít nhất 6 học phần trong chương trình tự chọn II, tổng cộng là 144 học phần mới có thể tốt nghiệp.

Việc điều chỉnh cơ cấu chương trình như trên đã giảm 380 tiết không phù hợp trong chương trình giáo dục bắt buộc 9 năm để tăng thêm 156 tiết cho môn Thể dục; giảm 347 tiết học bắt buộc ở cao trung và tăng thêm 410 tiết học tự chọn để học sinh tham gia chương trình có tính nghiên cứu, bồi dưỡng tinh thần sáng tạo và còn phải tham gia phục vụ xã hội.

### **3.2. Các hoạt động giáo dục**

Chương trình giáo dục phổ thông Trung Quốc còn chú trọng bố trí các hoạt động giáo dục, trong đó hoạt động thực tiễn tổng hợp là nội dung hoạt động bắt buộc ở cả ba cấp Tiểu học, Sơ trung và Cao trung. Nội dung chủ yếu của hoạt động thực tiễn tổng hợp là: (1) Giáo dục Công nghệ thông tin; (2) Học tập mang tính nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và thực tiễn xã hội; (3) Giáo dục lao động - kỹ thuật. Nhấn mạnh thông qua thực tiễn, học sinh sẽ tăng cường ý thức tìm tòi và sáng tạo, học tập phương pháp nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực vận dụng tri thức tổng hợp, thúc đẩy mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và xã hội, bồi dưỡng ý thức trách nhiệm xã hội cho học sinh. Trong quá trình thực hiện chương trình, tăng cường giáo dục Công nghệ thông tin, bồi dưỡng ý thức và năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin, hiểu kỹ thuật thông dụng và sự phân công nghề nghiệp cần thiết, hình thành năng lực kỹ thuật bước đầu.

### 3.2.1. Các hoạt động giáo dục ở giai đoạn Tiểu học và Trung học sơ cấp

- Sinh hoạt buổi sáng:

Lễ kéo cờ, giáo dục thời sự, chính sách, chuẩn mực hành vi hằng ngày; giáo dục học sinh yêu Tổ quốc, quan tâm quốc gia đại sự, tuân thủ nội quy học sinh, hình thành thói quen hành vi tốt đẹp.

- Hoạt động đoàn, đội, lớp:

Triển khai có mục đích, có kế hoạch các hoạt động tập thể sôi nổi, hoạt bát với nội dung phong phú và hình thức đa dạng; tăng cường quan niệm tổ chức, quan niệm tập thể của học sinh, bồi dưỡng năng lực tự quản lí và giao tiếp.

- Rèn luyện thể dục:

Thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, thể dục bảo vệ mắt và rèn luyện sức khỏe khác nhằm tăng cường thể chất của học sinh, hình thành thói quen tự giác rèn luyện sức khỏe.

- Hoạt động văn thể, khoa học kĩ thuật:

Triển khai hoạt động khoa học kĩ thuật, văn nghệ, thể dục do học sinh tự nguyện tham gia nhằm tăng cường hứng thú, mở rộng tri thức, phát triển tài năng, sở trường của học sinh.

- Hoạt động thực tiễn xã hội:

Tham gia các hoạt động: lao động sản xuất và tự phục vụ, điều tra xã hội, tham quan phỏng vấn và huấn luyện quân sự... Hướng dẫn học sinh tiếp xúc với công nông, tìm hiểu xã hội, nhận thức tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường tình cảm yêu quý nhân dân lao động và trách nhiệm xã hội.

- Hoạt động truyền thống của trường:

Xuất phát từ thực tế của nhà trường, tùy theo điều kiện cụ thể của từng nơi để tổ chức các hoạt động có ý nghĩa giáo dục, bao gồm: các ngày lễ, ngày kỉ niệm trọng đại của đất nước, ngày tết truyền thống của dân tộc và ngày hội khoa học kĩ thuật, ngày hội thể thao, nghệ thuật do trường tự xác định nhằm làm cho học sinh phát triển sinh động, hoạt bát trong các hoạt động đa dạng.

Để thích ứng với yêu cầu thực tế của việc xây dựng kinh tế nông nghiệp và phát triển xã hội nông thôn, đáp ứng nhu cầu phát triển của đại đa số học sinh nông thôn, vừa đặt nền móng cho học sinh học lên, vừa tạo điều kiện cần thiết cho việc tham gia sản xuất nông nghiệp, kinh doanh trong tương lai, cơ quan giáo dục của một số địa phương đã đưa chương trình giáo dục "Chứng chỉ xanh" vào trường sơ trung nông

thôn trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Bộ Nông nghiệp Trung Quốc (2001). Thời gian dạy học dành cho chương trình này là khoảng 300 tiết, trong đó 60% dành cho giờ học lí thuyết, 40% dành cho giờ thực tập sản xuất. Cơ quan quản lí giáo dục và cơ quan quản lí nông nghiệp cấp huyện, xã căn cứ thực tế của địa phương xác định 2-3 chuyên ngành giúp HS hiểu tương đối hệ thống, nắm được tri thức và kĩ năng cơ bản về quản lí sản xuất và kinh doanh ở một vị trí nào đó.

### **3.2.2. Các hoạt động giáo dục ở giai đoạn Cao trung**

Chương trình hoạt động bao gồm các hoạt động bắt buộc toàn thể học sinh phải tham gia, như: hội trường, hội lớp, thực tiễn xã hội, rèn luyện thể dục; và một số hoạt động khác do học sinh tự nguyện lựa chọn tham gia như: khoa học kĩ thuật, nghệ thuật... Trong số các hoạt động nói trên, hoạt động thực tiễn xã hội được bố trí tập trung, còn các hoạt động khác có thể bố trí phân tán.

### **3.3. Phân bố thời lượng thực hiện chương trình**

#### **3.3.1. Đối với Tiểu học**

- Số tuần lên lớp: 34 tuần.
- Số tuần tổ chức hoạt động truyền thông của nhà trường: 01 tuần.
- Số tuần tổ chức hoạt động thực tiễn xã hội: 01 tuần
- Ôn tập, kiểm tra cuối học kì: 02 tuần.
- Dự phòng: 01 tuần.
- Các kì nghỉ: 13 tuần.

Cộng: 52 tuần

- Số ngày học trong tuần: 5,5 ngày.
- Thời gian học ở trường: cả ngày.
- Thời gian 1 tiết lên lớp: 40 phút.
- Thời gian tập thể dục hằng ngày ở trường: 20 phút.
- Thời gian luyện mắt: sáng, chiều mỗi lần 5 phút.

Nhà trường phải bảo đảm mỗi ngày học sinh được rèn luyện thể dục 1 giờ đồng hồ (bao gồm tiết thể dục và hoạt động thể dục).

Việc phân bố số tiết rèn luyện thể dục và hoạt động văn thể, khoa học kĩ thuật do nhà trường xác định cụ thể căn cứ vào tình hình thực tế, trong đó thời gian hoạt động văn thể, khoa học kĩ thuật mỗi tuần không ít hơn 1 tiết.



Đối với lớp 1: không ra bài tập ở nhà.

Đối với lớp 2, lớp 3: thời gian làm bài tập ở nhà không quá 30 phút.

Đối với lớp 4: thời gian làm bài tập ở nhà không quá 45 phút.

Đối với lớp 5, lớp 6: thời gian làm bài tập ở nhà không quá 1 giờ.

### **3.3.2. Đối với Trung học sơ cấp**

- Số tuần lên lớp: 34 tuần.

- Số tuần tổ chức hoạt động truyền thông của nhà trường: 01 tuần.

- Số tuần tổ chức hoạt động thực tiễn xã hội: 01 tuần.

- Ôn tập, kiểm tra cuối học kì: 03 tuần.

- Dự phòng: 01 tuần.

- Các kì nghỉ: 12 tuần.

Cộng: 52 tuần.

- Số ngày học trong tuần: 5,5 ngày.

- Thời gian học ở trường: cả ngày.

- Thời gian 1 tiết lên lớp: 45 phút.

- Thời lượng quy định cho bài tập ở nhà: không quá 90 phút.

### **3.3.3. Kế hoạch dạy học Trung học cao cấp**

- Số tuần lên lớp: 40 tuần.

- Các kì nghỉ: 10 - 11 tuần.

- Dự phòng: 01 - 02 tuần.

- Thời gian dạy học cụ thể của các lớp:

+ Lớp 10 và lớp 11: Số tuần lên lớp: 35 tuần.

• Ôn tập, kiểm tra: 02 tuần.

• Hoạt động thực tiễn xã hội: 02 tuần.

• Kỹ thuật lao động: 01 tuần.

+ Lớp 12: Số tuần lên lớp: 26 tuần.

• Ôn tập, kiểm tra: 12 tuần.

• Hoạt động thực tiễn xã hội: 02 tuần.

- Số ngày học trong tuần: 5 ngày.

**TTBD ĐBDC**

- Thời gian học ở trường: cả ngày.
- Thời gian 1 tiết lên lớp: 45 phút.

#### **4. Vấn đề tích hợp và phân hoá trong chương trình**

"Đề cương cải cách Chương trình giáo dục phổ thông Trung Quốc (Thí điểm)" do Bộ Giáo dục Trung Quốc công bố tháng 7 năm 2001 đã chỉ rõ yêu cầu thực hiện tích hợp và phân hoá trong chương trình của các cấp học phổ thông như sau:

- Giai đoạn Tiểu học thực hiện chương trình tích hợp là chính. Ở các lớp đầu cấp Tiểu học bố trí chương trình các môn: Phẩm chất đạo đức và Cuộc sống, Ngữ văn, Toán, Thể dục, Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật). Các lớp giữa cấp và cuối cấp Tiểu học bố trí chương trình các môn: Phẩm chất đạo đức và Xã hội, Ngữ văn, Toán, Khoa học, Ngoại ngữ, Hoạt động thực tiễn tổng hợp, Thể dục, Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật).

- Giai đoạn Trung học sơ cấp (Sơ trung) bố trí chương trình kết hợp giữa phân môn và tích hợp, chủ yếu bao gồm chương trình các môn: Tư tưởng phẩm chất đạo đức, Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ, Khoa học (hoặc Vật lí, Hoá học, Sinh vật), Lịch sử và Xã hội (hoặc Lịch sử, Địa lí), Thể dục và Sức khoẻ, Nghệ thuật (hoặc Âm nhạc, Mĩ thuật) và Hoạt động thực tiễn tổng hợp.

- Giai đoạn Trung học cao cấp (Cao trung) thực hiện chương trình phân môn là chính. Để phát triển cá tính của học sinh, chuẩn chương trình phải có yêu cầu với những mức độ khác nhau. Đồng thời với việc xây dựng các môn học bắt buộc, còn có các môn học hoặc chủ đề/môđun tự chọn đa dạng, phong phú và chương trình kĩ thuật. Do chủ trương thực hiện dạy học theo chương trình phân hoá như vậy, nên ở cấp học này, việc quản lí kế hoạch học tập của học sinh được thực hiện (thí điểm) theo chế độ học phần.

#### **5. Thi và kiểm tra, đánh giá**

##### **5.1. Chế độ thi và kiểm tra, đánh giá ở cấp Trung học**

Ở giai đoạn giáo dục bắt buộc 9 năm, đối với các địa phương đã cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục Sơ trung (THCS), học sinh sau khi học xong Tiểu học, được lên thẳng Sơ trung, không tổ chức thi tuyển đầu vào. Học sinh tốt nghiệp Sơ trung phải thi lên Cao trung, nội dung thi phải tăng cường liên hệ với thực tế xã hội và kinh nghiệm sống của học sinh, coi trọng kiểm tra năng lực phân tích vấn đề, giải quyết vấn đề của học sinh, một số môn học có thể thực hiện đề thi mở.

Đối với Cao trung (THPT), thực hiện chế độ hội khảo, tức là tổ chức thi kết thúc lần lượt từng môn học và cấp chứng chỉ. Khi học sinh thi đủ các môn theo quy định và có đủ chứng chỉ thì được xét công nhận tốt nghiệp Cao trung.

Chế độ hội khảo, tức là tổ chức thi kết thúc lần lượt từng môn học và cấp chứng chỉ. Khi học sinh thi đủ các môn theo quy định và có đủ chứng chỉ thì được xét công nhận tốt nghiệp Cao trung. Dưới đây là các môn và thời gian hội khảo:

(1) Môn văn hoá: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ, Tư tưởng chính trị, Vật lí, Hoá học, Lịch sử, Địa lí, CNTT, Sinh vật (10 môn).

(2) Môn thực hành: Thao tác thực nghiệm của các môn: Vật lí, Hoá học, Sinh vật.

Phương thức hội khảo của các môn văn hoá được chia làm hai loại: Thi và kiểm tra với mô hình 3 + 3 + 4, tức là: 3 môn thi bắt buộc (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ); Trong các môn văn hoá còn lại được tự do lựa chọn 3 môn để đăng kí dự thi; 4 môn còn lại là môn kiểm tra (kiểm tra viết). Học sinh phải lựa chọn, xác định môn thi và môn kiểm tra ngay từ lần đăng kí đầu tiên.

Các môn thực hành đều là môn kiểm tra.

Kết quả thi được chia thành 4 mức: Xuất sắc, Tốt, Đạt yêu cầu, Không đạt yêu cầu.

Kết quả kiểm tra được chia thành 2 mức: Đạt yêu cầu và Không đạt yêu cầu.

Các môn văn hoá được tổ chức hội khảo 2 lần/năm, mỗi lần đều thi 10 môn. Lần thứ nhất tiến hành khoảng 3 tuần trước Tết, trong đó 3 môn: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ chủ yếu dành cho học sinh lớp 12; các môn còn lại chủ yếu dành cho học sinh thi lại. Lần thứ hai bố trí vào trung tuần tháng 6, gồm 7 môn: Tư tưởng chính trị, Vật lí, Hoá học, Sinh vật, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ thông tin chủ yếu dành cho học sinh lớp 11; 3 môn còn lại chủ yếu dành cho học sinh thi lại, không tổ chức thi bù.

Thời gian kiểm tra thực hành đối với môn Vật lí, Hoá học và Sinh vật bố trí vào cuối tháng 6 hằng năm, chủ yếu dành cho học sinh lớp 11.

### **5.2. Chế độ thi tuyển sinh của các trường đại học**

Thi tuyển sinh đại học là kì thi quốc gia thống nhất toàn quốc. Thi tuyển sinh đại học phải đảm bảo tuân thủ nguyên tắc có lợi cho việc tuyển chọn nhân tài của các trường đại học, có lợi cho việc thực hiện giáo dục tổ chức ở Trung học, có lợi cho việc mở rộng quyền tự chủ làm giáo dục của các trường đại học để tăng cường kiểm tra năng lực và tổ chức của học sinh, cải cách nội dung thi tuyển sinh của các trường đại

học, nghiên cứu, tìm tòi phương thức thi cử theo hướng cung cấp nhiều cơ hội, thực hiện tuyển chọn hai chiều và đánh giá tổng hợp.

Kì thi đại học lấy đơn vị là tỉnh. Các địa phương trên toàn quốc đều tổ chức thi vào ngày 7 tháng 6 hằng năm, tùy tình hình của các tỉnh, thành phố, kì thi có thể kéo dài liên tục 2 - 3 ngày. Tuy thống nhất toàn quốc nhưng từ năm 2001, một bộ phận khu vực đã sử dụng toàn bộ hoặc một phần đề thi tự chủ, như các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và khu tự trị: Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh, Sơn Đông, Giang Tô, Hồ Nam, Phúc Kiến, Tứ Xuyên, Giang Tây, An Huy, Triết Giang, Thiểm Tây, Ninh Hạ, Liêu Ninh, Hồ Bắc, Quảng Đông, Hải Nam...

Hình thức thi là thi viết, đề thi kín, nội dung đề thi toàn quốc do Bộ Giáo dục hoạch định thống nhất, các tỉnh, thành phố tự ra đề thì sẽ do Viện Khảo thí giáo dục của tỉnh, thành phố đó xác định phạm vi thi.

Đề thi phải dựa vào chuẩn chương trình, tuyệt đối không được ra đề thiên lệch, khác thường. Giáo viên cần phải có sự phân tích hướng dẫn cụ thể đối với tình hình thi cử của từng học sinh, không được công bố kết quả thi của học sinh cũng như sắp xếp thứ tự theo kết quả thi.

Thí sinh dự thi tuyển đại học phải thi thống nhất 3 môn bắt buộc là: Toán, Văn và Ngoại ngữ. Ngoài 3 môn này, thí sinh sẽ phải lựa chọn và thi thêm từ một môn trở lên theo yêu cầu của từng vùng. Các môn thi đó thường là các môn thuộc nhóm Khoa học xã hội: Chính trị, Lịch sử, Địa lí và Khoa học tự nhiên: Sinh học, Hoá học, Vật lí và môn thi trắc nghiệm tổng hợp.

Công thức thi thường là:

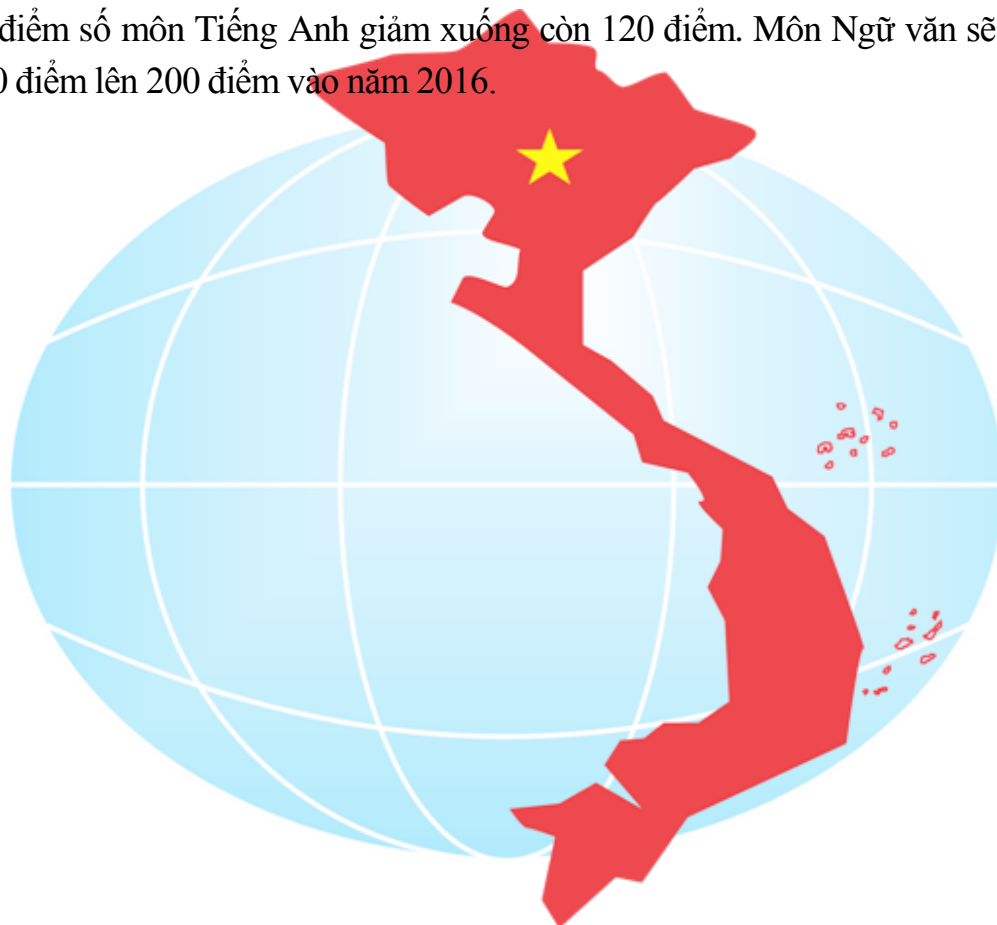
(1)  $3 + 2$ : tức là 3 môn bắt buộc (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ) + 2 môn KHXH hoặc 2 môn KHTN.

(2)  $3 + X$ : tức là 3 môn bắt buộc (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ) + X là môn trắc nghiệm tổng hợp về Khoa học xã hội hoặc Khoa học tự nhiên hoặc Khoa học kĩ thuật hoặc Văn - Sử.

(3)  $3 + 2 + X$ : tức là 3 môn bắt buộc (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ) + 2 môn Khoa học xã hội hoặc Khoa học tự nhiên tùy theo hứng thú và năng lực của thí sinh + X là môn tổng hợp của Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên nhưng không tính điểm chỉ dùng để trường đại học tham khảo khi xét tuyển.

(4)  $3 + X + 1$ : tức là 3 môn bắt buộc (Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ) + X là môn tự chọn + 1 môn trắc nghiệm năng lực (gồm tri thức, kĩ năng và tố chất thích ứng với cuộc sống xã hội).

Năm 2014, Bộ Giáo dục đã chính thức ban hành phương án cải cách thi đại học. Phương án này giảm bớt môn thi, không phân chia Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Ngoại ngữ, thực hiện xã hội hoá khảo thí, một năm có nhiều lần thi; từng bước thực hiện chế độ lựa chọn người giỏi thông qua đánh giá tổng hợp kết quả thi đại học và kết quả thi và học lực của học sinh tốt nghiệp Cao trung (THPT). Ví dụ, đến năm 2016, môn Tiếng Anh chính thức rút khỏi danh sách môn thi đại học, thay vào đó, kết quả hội khảo môn Tiếng Anh được tính vào tổng điểm thi đại học, đồng thời năm 2015 điểm số môn Tiếng Anh giảm xuống còn 120 điểm. Môn Ngữ văn sẽ tăng dần từ 180 điểm lên 200 điểm vào năm 2016.



**TTBD ĐBDC**

